

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/2020/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 28 tháng 7 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

ĐẾN Số:.....  
Ngày:.....  
Chuyên: Ban Lãnh Đạo Sở

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- VP tham mưu.  
- HĐND đang chờ.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2016/NQ-HĐND ngày 23/6/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 42/2016/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, cụ thể như sau:

1. Khoản 3 Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Về thu, nộp và sử dụng tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử

dụng đất trồng lúa (gọi tắt là Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ”.

2. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

**“Điều 2. Trách nhiệm thi hành**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn trình tự, thủ tục nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức công bố công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của tỉnh đã được xét duyệt. Khi thu hồi đất để giao đất, cho thuê đất phải xác định diện tích chuyên trồng lúa nước chuyển đổi sang mục đích phi nông nghiệp (nếu có) làm cơ sở xác định tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp ngân sách nhà nước.

c) Hàng năm trước ngày 31 tháng 12 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa của tỉnh.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Xác định các loại cây trồng hàng năm, cây lâu năm hoặc loại thủy sản phù hợp cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của tỉnh.

b) Xác định ranh giới, lập bản đồ diện tích đất trồng lúa, vùng đất chuyên trồng lúa nước có năng suất, chất lượng cao.

c) Hướng dẫn các địa phương sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

d) Hàng năm trước ngày 31 tháng 12 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng của địa phương theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

3. Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố

a) Tổ chức thu khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa và nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đúng theo quy định.

c) Hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân để báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp việc phân bổ, sử dụng nguồn kinh phí thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

d) Sở Tài chính hướng dẫn thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

4. Các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện các quy định có liên quan.

#### 5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Cung cấp thông tin về thu hồi diện tích đất trồng lúa để thực hiện dự án đầu tư cho Sở Tài nguyên và Môi trường để làm cơ sở xác định diện tích đất trồng lúa phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất.

b) Lập và ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện trên cơ sở kế hoạch chuyển đổi của cấp tỉnh.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa bàn huyện.

d) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### 6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp xã trên cơ sở kế hoạch chuyển đổi cấp huyện theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ; tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc xác định vùng chuyển đổi; thông báo công khai kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã vào quý IV của năm trước trong thời hạn 60 ngày.

b) Tiếp nhận, xử lý Bản đăng ký chuyển đổi; lập sổ theo dõi chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

c) Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

d) Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm

theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày **07** tháng **8** năm 2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước Trà Vinh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP. UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Website Chính phủ;
- Các Phòng CM thuộc VP;
- Lưu: VT, NN. **cg**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Dũng**